|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-1 |
| Use Case Name | Đăng nhập |
| Description | Chức năng này mô tả nhân viên hoặc admin đăng nhập vào hệ thống để thực hiện các chức năng tương ứng |
| Actor(s) | Nhân viên, Khách hàng |
| Pre-Condition(s): | * Tài khoản người dùng được tạo sẵn * Tài khoản người dùng đã được phân quyền * Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet khi thực hiện đăng nhập |
| Post-Condition(s): | * Trở về trang hiện tại với trạng thái đã đăng nhập |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập hệ thống  2. Người dùng chọn chức năng đăng nhập  3. Người dùng nhập tài khoản đăng nhập  4. Người dùng xác nhận đăng nhập  5. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập thành công và cho phép người dùng truy cập hệ thống |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 5a. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập không thành công và hiển thị thông báo  5a1. Người dùng chọn lệnh hủy đăng nhập *Use Case dừng lại*  5a2. Người dùng đăng nhập lại *Use Case quay lại bước 3*  5a3. Người dùng chọn lệnh quên mật khẩu  5a3a. Hệ thống hiện bảng hướng dẫn lấy lại mật khẩu |
| Business Rules | BR1: |
| Non-Functional Requirement | NFR1-1: Mật khẩu của người phải được hash bằng MD5 |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-2 |
| Use Case Name | Đăng ký |
| Description | Chức năng này cho phép người dùng (khách hàng) tạo tài khoản và có thể thực hiện các chức năng khi đã có tài khoản |
| Actor(s) | Khách hàng |
| Pre-Condition(s): | * Tài khoản người dùng chưa tồn tại trong cở sở dữ liệu * Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet khi thực hiện đăng ký |
| Post-Condition(s): | * Người dùng đăng ký tài khoản thành công |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập hệ thống  2. Người dùng chọn chức năng đăng ký  3. Người dùng nhập thông tin đăng ký  4. Người dùng xác nhận đăng ký  5. Hệ thống ghi nhận lại thông tin đăng ký và quay trở lại trang chủ |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 4a. Hệ thống xác thực thông tin đăng ký không thành công và hiển thị thông báo  4a1. Người dùng chọn lệnh hủy đăng ký *Use Case dừng lại*  4a2. Người dùng đăng ký lại *Use Case quay lại bước 3* |
| Business Rules | BR1: |
| Non-Functional Requirement | NFR1-1: Mật khẩu của người phải được hash bằng MD5 |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-3 |
| Use Case Name | Đăng xuất |
| Description | Chức năng này cho phép người dùng (khách hàng, nhân viên) đăng xuất tài khoản khỏi hệ thống |
| Actor(s) | Khách hàng, nhân viên |
| Pre-Condition(s): | * Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| Post-Condition(s): | * Hệ thống chuyển về giao diện trang chủ |
| Basic Flow | 1. Người dùng đang ở trạng thái đăng nhập  2. Người dùng chọn chức năng đăng xuất  3. Hệ thống chuyển về giao diện trang chủ |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |
| Business Rules | BR1: |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-4 |
| Use Case Name | Tra cứu |
| Description | Chức năng này cho phép người dùng (khách hàng) tìm kiếm vé máy bay theo nhu cầu |
| Actor(s) | Khách hàng |
| Pre-Condition(s): | * Thiết lập thông tin tra cứu * Thiết bị của người dùng đã được kết nối internet khi thực hiện đăng ký |
| Post-Condition(s): | * Hệ thống hiển thị các vé máy bay phù hợp |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập hệ thống  2. Người dùng thiết lập thông tin tra cứu  3. Người dùng chọn chức năng tra cứu  4. Hệ thống hiển thị các vé máy bay phù hợp |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | 2a. Hệ thống xác thực thông tin tra cứu không thành công và hiển thị thông báo  *Use Case quay lại bước 2* |
| Business Rules | BR1: |
| Non-Functional Requirement |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Use Case ID | UC-5 |
| Use Case Name | Chọn vé |
| Description | Chức năng này cho phép người dùng (khách hàng) chọn vé máy bay muốn mua |
| Actor(s) | Khách hàng |
| Pre-Condition(s): | * Người dùng truy cập vào hệ thống |
| Post-Condition(s): | * Hệ thống chuyển đến trang thanh toán |
| Basic Flow | 1. Người dùng truy cập vào hệ thống  2. Người dùng chọn vé gợi ý  3. Hệ thống chuyển đến trang thanh toán |
| Alternative Flow | 2a. Người dùng sử dụng chức năng tra cứu trước khi chọn vé  Use case 4 (**UC-4**) khởi động  *Use case tiếp tục bước 2* |
| Exception Flow | 2a. Vé người chọn đã hết  2a1. Hệ thống hiển thị thông báo hết vé  Use case tiếp tục bước 2 |
| Business Rules | BR1: |
| Non-Functional Requirement |  |